TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 01 năm 2024
"V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thị và bà Nguyễn Thị Bích Hà.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Anh **Trần Doãn D**, sinh năm 1995.
Nơi cư trú: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ;
- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thúy H**, sinh năm 1994.
Nơi cư trú: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

(Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Anh Trần Doãn D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh D trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Anh và chị Nguyễn Thúy H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 26/4/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn, anh và chị H chưa chung sống với nhau, cũng chưa tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương dù đã định ngày trước. Nguyên nhân do vợ chồng chưa tìm hiểu kĩ, hai bên không hợp nhau, không có cùng quan điểm sống. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau, vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thúy H.
- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh và chị Nguyễn Thúy H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thúy H đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng trong quá trình giải quyết đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án không thu thập được lời khai.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa, xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Trần Doãn D được ly hôn với chị Nguyễn Thuý H. Về con chung: Anh D và chị H không có nên không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Anh D không yêu cầu giải quyết, mặt khác do chị H vắng mặt tại phiên tòa nên không giải quyết trong vụ án này mà tách ra để giải quyết bằng vụ việc khác khi có yêu cầu; Về án phí: anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa anh Trần Doãn D và chị Nguyễn Thuý H là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, mặc dù đã được Toà án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thuý H vẫn vắng mặt không có lý do; Còn nguyên đơn là anh Trần Doãn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Doãn D và chị Nguyễn Thúy H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Mặc dù gia đình hai bên chưa tổ chức đám cưới nhưng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Đến nay anh D yêu cầu được ly hôn chị H, nhưng chị H không có văn bản, tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của chị đối với yêu cầu của anh D.

Qua xác minh tại địa phương và chị gái của chị H là Nguyễn Thị H cung cấp: Năm 2017 chị H đăng ký kết hôn với anh Trần Doãn D, sau khi đăng ký thì hai bên gia đình chưa tổ chức lễ cưới dù đã định ngày trước, chị H khi đó vẫn về sống với gia đình và cho rằng vợ chồng tìm hiểu nhau chưa kĩ, hai bên không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Chị H và anh D không có con chung, không có tài sản chung và công sức đóng góp cho gia đình chị. Hiện nay chị H đi làm ăn tự do, không có địa chỉ cố định, thỉnh thoảng gia đình có công việc chị H vẫn về. Khi chị nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị H, chị đã thông báo cho chị H biết việc anh D làm đơn yêu cầu xin ly hôn, quan điểm của chị H là cũng đồng ý ly hôn anh D, nhưng do bận công việc nên không sắp xếp thời gian để về Tòa án làm việc được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh D và chị H kể từ khi đăng ký kết hôn đến nay không chung sống cùng nhau, không quan tâm chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ

thương yêu nhau; không cùng nhau để vun vén, tạo lập cuộc sống gia đình dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh D và chị H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh D không yêu cầu giải quyết và chị H vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, mà sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba như đã trình bày trên, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp lật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Doãn D được ly hôn chị Nguyễn Thuý H.

[3]. Về con chung: Anh D và chị H không có con chung, nên không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Anh Trần Doãn D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh D đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2020/0003809, ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã X, h L;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vi Thị Năm